



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

Số - case
ODP - Mẫu DPOLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam TRUONG KHANH
Last Middle First

Current Address No wife 19/3 Kheon V, Cach mang thig 8, Hoang Binh
Bien Hoa

Date of Birth 04-10-1940 Place of Birth VIETNAM (Dai Nang)
Lt Colonel - Ranger

Names of Accompanying Relatives/Dependents
Huỳnh Thị Mai (wife - 1944) Trương Thạch Truê (dau - 1966)
Trưởng Huỳnh Trang (dau - 1968)
Trưởng diêm Phùng (dau - 1965)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 1975 To present

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

NAMERELATIONSHIPNAMERELATIONSHIP~~None~~Trần Đình Nga FriendSalt Lake City, Utah 84115

Form Completed By:

FAMILY OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATIONP.O. Box 5435, Arlington, VA 22205Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

QUESTION FOR THE APPLICANT

IDENTIFICATION

1. Name: HUYNH THI MAU
2. Date of birth: 19/1/1944 Binh Hoa South Vietnam
3. Place of birth: 19/1/1944 Khuyen X. District, Cao Mang Thang
4. Present address: 19/1/1944 Phu Hoa Street, Dong Nai
5. Former address: 19/1/1944 Thien Hoa Province

RELATIONSHIP TO VICTIM

Below are listed the children and married children of the victim. Please indicate the first marital status (M) or the following: (D) divorced (V) widowed (S) single (E).

Name Date of birth Place of birth sex M (M) (D) (V) (S) (E)

1. Thien Hoa District 19/1/1944 VN Female (S)
2. Thien Hoa District 19/1/1944 VN Female (S)
3. Thien Hoa District 19/1/1944 VN Female (S)

With the persons listed above, we need further information: birth certificates, marriage certificates (if married), divorce (if divorced), or death certificates (if widowed), identification cards (if available) and photos. If any of the above persons are not living with you, please note their address in a separate column.

RELATIONSHIP TO OTHER VICTIMS

1. Closest relative to the U.S. Name:

- a/ Name: None
- b/ Relationship: None
- c/ Address: None

2. Closest relative in other foreign countries:

- a/ Name: None
- b/ Relationship: None
- c/ Address: None

COMPLETELY UNKNOWN LISTED (Living or death)

1. Name: Thien Hoa District 19/1/1944 Khuyen X. District, Cao Mang Thang 19/1/1944 Phu Hoa Street, Dong Nai
2. Name: Thien Hoa District 19/1/1944 Khuyen X. District, Cao Mang Thang 19/1/1944 Phu Hoa Street, Dong Nai
3. Name: Thien Hoa District 19/1/1944 Khuyen X. District, Cao Mang Thang 19/1/1944 Phu Hoa Street, Dong Nai
4. Name: Thien Hoa District 19/1/1944 Khuyen X. District, Cao Mang Thang 19/1/1944 Phu Hoa Street, Dong Nai
5. Name: Thien Hoa District 19/1/1944 Khuyen X. District, Cao Mang Thang 19/1/1944 Phu Hoa Street, Dong Nai



10. Truly signed
008 April 1944

6. Siblings: None

EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE: None

1. Name of person employed:

2. Date: From: To:

3. Title of (last) positions held:

4. Agency company official:

5. Name of (last) supervisor:

6. Reason for leaving:

7. Training for job in VIETNAM

F/SERVE WITH OUR COUNTRY BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person serving: Truong Khanh (Husband) No. 60/20422

2. Date: From June 10, 1960 to April 30, 1975

3. Last rank: Lieutenant Colonel (Commanding Officer)

4. Military office military unit: ARVN / Ranger 6th Brigade of the

5. Name of supervisor, CO: Brigadier General D.D. Kien Gia

6. Reason for leaving: M.L. Service until April 30, 1975

7. Name of American advisor: Mr. Husband Kees. his counterpart in US

8. US awards or certificates

(Note: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates if available.)

My husband, he burned all Awards & Certificates after April 30, 1975 by himself

ARVN / LT. Col. Sr. No. 60/20422

1. NO OUTSIDE VOUCHER OF YOU OR YOUR SPOUSE *None*
 Name of student, trainer.
 Schooling, school address.
 Date.
 Description of course.
 5. Who paid for training.
 (Notes: Please attach copies of diplomas or other, if available)
 you. No.

EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE
 1. Name of person in re education. *Truong Khanh LEGL. ARVN*
 2. Total time in re education: Years
 Months. *03* ...
 3. Still in re education. *yes* ...

4. ADDITIONAL REMARK
*1/ I sent my application to the QDP/Bangkok many times but was rejected
 2/ I was requested to intervention to release my husband from the camp
 3/ Request approval in ARVN for my family to go to the US*
 Sincerely yours
 date *August 6 1985*

Signature

Mac

3/ PLEASE REMARK ALL DOCUMENT ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE.

Marriage Certificate
 Birth Certificates
 Photos (4x6)
 Photo ID card No. 435

The undersigned Notary Public certifies that the above
 and foregoing is true and correct copy of the
 original.

[Signature]
 Notary Public for the State of California
 My Commission Expires: 8-1-1986

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

~~TỈNH BIÊN HOÀ~~

QUẬN: ~~Số 1~~

XÃ: ~~Tân Thành~~

Số hiệu: 6

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THƯ

Tên, họ người chồng Trương Khánh

nghề - nghiệp quân nhân

sinh ngày 10 tháng 4 năm 1940

tại Hải Châu - Đà Nẵng

cư - sở tại

tạm-trú tại Tân Thành

Tên, họ cha chồng Trương Bằng 55 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng Nguyễn Thị Quang 53 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ Huỳnh Thị Mai

nghề - nghiệp Học Sinh

sinh ngày 6 tháng 9 năm 1944

tại Bình Phước

cư - sở tại

tạm-trú tại Tân Thành

Tên, họ cha vợ Nguyễn Văn Hai 39 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Nguyễn Thị Ode 38 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới 3 tháng 6 năm 1963

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-lê

ngày tháng năm

tại

Trích y bản chính

Tân Thành, ngày 7 tháng 6 năm 1963

Viên chức Hộ tịch.

Đại diện kiêm

TU-VĂN-DÂN

TỈNH-BIÊNHOÀ

Nhận thực chữ ký của
hội đồng Xã Tân Thành

ngày 14-6-1963

HOÀNG-SINH-TÀI

HOÀNG-SINH-TÀI

The undersigned Notary Public certifies that the above
and foregoing is a true and correct copy of the
original.

Notary Public Residing at Salt Lake City
1986



Tên, họ đủ nhĩ	TRƯƠNG - HƯƠNG - TRANG
Phối	NỮ
Sinh	MÙNG MỘT tháng MƯỜI; Cột dương lịch
Năm, tháng, ngày	Năm một nghìn chín trăm sáu mươi ba
Tôi	Bảo sanh MINH-DUO PHU HOA
Cha	TRƯƠNG - HƯƠNG
(Họ, tên)	
Tuổi	Hai mươi tám tuổi
Nghề - nghiệp	Quản nhân
Cư - trú tại	Bình-Trước (Biên Hòa)
Mẹ	HUYNH - THI - NAI
(Họ, tên)	
Tuổi	Hai mươi bốn tuổi
Nghề - nghiệp	Nội trợ
Cư - trú tại	Bình-Trước (Biên Hòa)
Vợ	Vợ chính
Người khai	NAI - XUAN - NGUYET
(Họ, tên)	
Tuổi	Ba mươi bốn tuổi
Nghề - nghiệp	Nữ hộ sinh
Cư - trú tại	Bình-Trước (Biên Hòa)
Ngày khai	MÙNG HAI tháng MƯỜI một năm 1963
Người chứng thứ nhĩ	HUYNH - THI - TU
(Họ, tên)	
Tuổi	Bốn mươi ba tuổi
Nghề - nghiệp	Quản lý
Cư - trú tại	Bình-Trước (Biên Hòa)
Người chứng thứ nhĩ	TANG - THI - LY
(Họ, tên)	
Tuổi	Sáu mươi hai tuổi
Nghề - nghiệp	Đúc búa
Cư - trú tại	Bình-Trước (Biên Hòa)

TỈNH BIÊN-HOÀ
SỞ TƯ PHÁP
Ban hành chính xã Bình-Trước
Biên Hòa, ngày 2 tháng 4 năm 1963
THỦ TƯỚNG
CHỦ-SƯ ĐĂNG KÝ X
NGUYỄN-KIM-SANG

TRƯỞNG TỊCH KIỆP X
Lập tại Xã Bình-Trước, ngày 2 tháng MƯỜI một năm 1963
U.V. Hộ-Tịch
Họ người chứng
Ký tên:
VÕ - HẢI - TRIỀU HUYNH-THI-TU
TANG-THI-LY

ỦY BAN
HAI TRIỀU

The undersigned Notary Public certifies that the above are true and correct copy of the original
Notary Public Residing at Salt Lake City
My Commission expires: 8-1-1980



Tên, họ ấu nhi: Huỳnh - thị - Mai

Phái: Feminin

Sinh: Le 6 Septembre 1944

(ngày, tháng, năm)

Tại: Internité du chef lieu

Cha: Huỳnh - văn - Mai

(tên họ)

Nghề: -

Cư trú tại: Bửu-hòa

Mẹ: Nguyễn - thị - Cúc

(tên họ)

Tuổi: -

Nghề: -

Cư trú tại: Bửu-hòa

Vợ: -

(tên họ)

Người khai: Trần - thị - Ký

Tuổi: 39 ans

Nghề: Sage femme

Cư trú tại: Bình-trước

Người khai: -

Người chứng thư thứ nhất: Nguyễn - thị - Phép

Tuổi: 24 ans

Nghề: Sage femme

Cư trú tại: Bình-trước

Người chứng thư thứ hai: Diên - thị - Thi

Tuổi: 20 ans

Nghề: Sage femme

Cư trú tại: Bình-trước

Lập tại xã Bình-trước

Người khai, Diên-thị

Phạm-thị-ký

Họ-tên,

Nguyễn Văn Bôn (tên thật)

đất: Bôn

đất: Bôn

THỰC THEO BỐN

24/5/1958

VIỆN HỌ-TỊCH

The undersigned Notary Public certifies that
the above and foregoing is a true and
correct copy of the original

Notary Public Kennedy at Salt Lake city
My commission expires 8-1-1956

Số hiệu: 504

KHAI SANH



Tên họ ấu nhi Trương-diễm-Phượng
Phái Nữ
Sanh ngày Hùng hai tháng hai năm 1965
Năm năm một nghìn chín trăm sáu mươi lăm
Tại: Bao Sanh Kien-Khung Bienhoa
Cha: Trương-Đinh
(Tên họ) Đinh
Tuổi: ba mươi ba tuổi
Nghề-nghiep: Quản lý
Cư-trú tại: Bienhoa
Me: Nguyễn-thị-Vai
(Tên họ) Vai
Tuổi: ba mươi một tuổi
Nghề-nghiep: Nội trợ
Cư-trú tại: Bienhoa
Vợ: Vợ chính
Người khai: Ngô-dân-Duyệt
(Tên họ) Duyệt
Tuổi: ba mươi ba tuổi
Nghề-nghiep: Nội trợ
Cư-trú tại: Bienhoa
Ngày khai: Hùng ba tháng hai năm 1965
Người chứng thứ nhất: Nguyễn-thị-Thanh
(Tên họ) Thanh
Tuổi: ba mươi sáu tuổi
Nghề-nghiep: Nội trợ
Cư-trú tại: Bienhoa
Người chứng thứ nhì: Trần-thị-Dan
(Tên họ) Dan
Tuổi: sáu mươi tuổi
Nghề-nghiep: Làm công
Cư-trú tại: Bienhoa

KHAI THEO ĐÓ Kinh 1965
CHỦ-TỊCH KIỂM HỘ-TỊCH 2

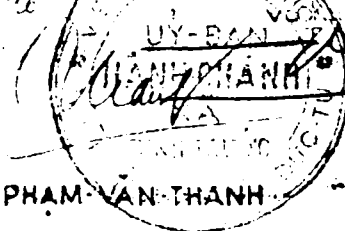
[Signature]

NGUYỄN-VĂN-NAM
TỰ VỆ

KIỂM-THÌ

Bình-huà, ngày 2 tháng 2 năm 1965

Chủ tịch Ủy ban Tự vệ



PHẠM-VĂN-THÀNH

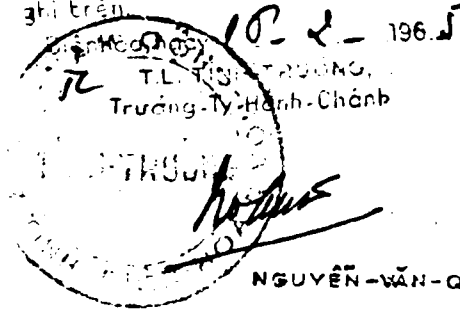
VĂN-THÀNH

TỈNH DIÊN-HÒA

Làm tại xã Bienhoa, ngày 3 tháng hai năm 1965

Nhận thực chữ ký của
Ủy-Ban Hành-Chánh xã Bình-Trước
ghi trên

Người khai, Hộ-lại, Nhân chứng,



NGUYỄN-VĂN-QUAN

Ngô-dân-Duyệt Nguyễn-văn-Nam Nguyễn-thị-Thanh
(Tự vệ) (Tự vệ)

The undersigned Notary Public certifies that
the above and foregoing is a true and
correct copy of the original.

[Signature]
Notary Public Residing at Salt Lake city
My Commission expires: 8-1-1980

KHAI-SANH



TÊN HỌ ẤU-NHI

TRƯƠNG - THẠCH - TRÚC

Phái

Nữ

Sanh

(Ngày, tháng, năm)

HAI MƯƠI LẪM tháng GIÊNG đường lịch

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu

Tại

Bảo sanh MINH - ĐỨC Biên Hòa

Cha

(Tên, họ)

TRƯƠNG - KHÁNH

Tuổi

Hai mươi sáu tuổi

Nghề-nghiep

Quản nhân

Cư-trú tại

Bình Trước Biên Hòa

Mẹ

(Tên, họ)

HUỠNH - THỊ - HAI

Tuổi

Hai mươi hai tuổi

Nghề-nghiep

Nội trợ

Cư-trú tại

Bình Trước Biên Hòa

Vợ chánh hay thứ

Vợ chính

Người khai

(Tên, họ)

HAI - HUÂN - NGUYỄN

Tuổi

Ba mươi hai tuổi

Nghề-nghiep

Nữ hộ sinh

Cư-trú tại

Bình Trước

Ngày khai

HAI MƯƠI SÁU tháng GIÊNG năm 1966

Chứng

Người chứng thứ nhất

(Tên, họ)

HUỠNH - THỊ - TƯ

Tuổi

Bốn mươi một tuổi

Nghề-nghiep

Quản lý

Cư-trú tại

Bình Trước

Người chứng thứ nhì

(Tên, họ)

ĐOÀN - THỊ - NHUNG

Tuổi

Năm mươi hai tuổi

Nghề-nghiep

Đuôn đũa

Cư-trú tại

Bình Trước

Bình Trước

26 THÁNG GIÊNG

Làm tại Xã

ngày

năm 1966

TỈNH BIÊN-HÒA

NGƯỜI KHAI,

HUÂN - HAI - NGUYỄN

HỌ - LẠI,

NGUYỄN - VĂN - NAM

NHÂN CHỨNG,

HUỠNH - THỊ - TƯ

(tự vẽ)

ĐOÀN - THỊ - NHUNG

NGUYỄN VĂN QUAN

The undersigned Notary Public certifies that the above and foregoing is a true and correct copy of the original.

Notary Public Residing at Salt Lake City
My Commission expires: 8-1-1986

SECTION FOR OFF APPLICANT

IDENTIFICATION

1. Name: *Nguyen Van Thuan*
2. Date of birth: *September 25, 1944*
3. Place of birth: *Quang Nam, South Vietnam*
4. Present address: *10/12 Khuat Thuan, District 1, Ho Chi Minh City*

1. *Married* ☒ *Single* ☐ *Divorced* ☐ *Widowed* ☐ *Other* ☐
 2. *Married* ☒ *Single* ☐ *Divorced* ☐ *Widowed* ☐ *Other* ☐

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	HS Relative
<i>Nguyen Van Thuan</i>	<i>Sept 25, 1944</i>	<i>Quang Nam</i>	<i>Male</i>	<i>Applicant</i>
<i>Nguyen Thi Thuan</i>	<i>Nov 15, 1968</i>	<i>Quang Nam</i>	<i>Female</i>	<i>Daughter</i>
<i>Nguyen Van Thuan</i>	<i>Nov 15, 1968</i>	<i>Quang Nam</i>	<i>Male</i>	<i>Son</i>

3. *None of the persons listed above, to whom the above names of birth, marriage, or death certificates (if married) are given, are now living with the applicant (if married) or the applicant's family (if single) and are not living with their parents or other relatives.*

RELATIONSHIP TO THE U.S.

1. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

2. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

3. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

4. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

5. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

6. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

7. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

8. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

9. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

10. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

11. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

12. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

13. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

14. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

15. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

16. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

17. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

18. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

19. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

20. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

21. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

22. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

23. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

24. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒

25. *Close relative in the U.S.* ☐ *None* ☒



11 July 1968
 001 April 1968

100
9
None
EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER ORGANIZATIONS OF
OR YOUR KNOWLEDGE
None
Name of person employed:
Date:
Title of (last) positions held:

1. Agency address:
2. Name of (last) supervisor:
3. Reason for leaving:
4. Training for job in VIETNAM:

2. REVIEW THE CUR CERTIFICATES BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person serving: *Truong Khanh (Husband)* 8/10/1942
2. Date: *From June 10, 1945 TO April 30, 1975*
3. Position: *Lieutenant Colonel (Commanding Officer)*
4. Military office military unit: *6th Brigade of the ARVN / Ranger*
5. Name of supervisor: *Brigadier General B.B. Kien Gai*
6. Reason for leaving: *MIL. Service until April 30, 1975*
7. Name of American advisor: *My Husband Know his account part in*
8. Use words or certificates

(Note: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates if available.)

My Husband; he burned all Awards & Certificates

after April 30th 1975 by himself

1/ TRAINING SURVIVAL VETERAN OF YOU OR YOUR SPOUSE *None*

1. Name of student, trainer.
 2. Schooling, school address.
 3. Date.
 4. Description of course.
 5. Fee paid for training.
- (Note: Please attach copies of diplomas or other, if available)
- Yes: No:

2/ RE EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person in re education. *Truong Khanh, Lt Col. ARVN*
2. Total time in re education: Years
- Months. *03* Date.
3. Still in re education, yes. No.

3/ ANY ADDITIONAL REMARK

- 1/ I sent my application to the ODP/Bangkok many times but was refused
 - 2/ I was requested to intervention to release my husband from the camp
 - 3/ Request approval as AKEWL for my family to go to the US
- Sincerely yours

Signature

Mac

date August 6 1985

4/ PLEASE SEE HAVE ALL DOCUMENT ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE.

1. Navy Certificate
2. Birth Certificate
3. Photos L&K
4. Photo ID card No. 435

The undersigned Notary Public certifies that the above
and foregoing is true and correct copy of the
original.

[Signature]
Notary Public for the State of California
My Commission Expires 8-1-1986

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

~~TỈNH BIÊN HOÀ~~

QUẬN: ~~Số 1~~

XÃ: ~~Tân thành~~

Số hiệu: ~~6~~

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THU

Tên, họ người chồng ~~Trương Khánh~~

nghe - nghiệp ~~quân nhân~~

sinh ngày ~~10~~ tháng ~~4~~ năm ~~1940~~

tại ~~Hải Phòng - Đà Nẵng~~

cư - sở tại ~~-~~

tạm-trú tại ~~Tân thành~~

Tên, họ cha chồng ~~Trương Đình~~ 55 tuổi

Tên, họ mẹ chồng ~~Nguyễn thị Quang~~ 53 tuổi

Tên, họ người vợ ~~Nguyễn thị Mai~~

nghe - nghiệp ~~Học Sinh~~

sinh ngày ~~6~~ tháng ~~9~~ năm ~~1944~~

tại ~~Bình Phước~~

cư - sở tại ~~-~~

tạm trú tại ~~Tân thành~~

Tên, họ cha vợ ~~Nguyễn Văn Hai~~ 39 tuổi

Tên, họ mẹ vợ ~~Nguyễn thị Odo~~ 38 tuổi

— Ngày cưới ~~3 tháng 6 năm 1963~~

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế

ngày ~~-~~ tháng ~~-~~ năm ~~-~~

tại ~~-~~

hàng thực chữ ký tên của ~~Huỳnh Hà Tích~~
ngay trước mặt chúng tôi là sự thật
tại ~~Tân thành~~, ngày ~~7~~ tháng ~~6~~ năm ~~1963~~

HỘI-ĐỒNG XÃ

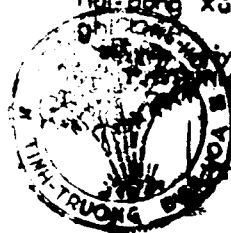
~~MIỀN XÃ H.V. CẢNH-SÁT, H.V. TÀI-CHÁNH~~



TỈNH-BIÊN HOÀ

Nhận thực chữ ký của
hội đồng xã ~~Tân Thành~~

ngày ~~14-6-1963~~
TRƯỞNG.



~~HOÀNG-SANH-TÀI~~

Trích y bốn chính

~~Tân thành~~, ngày ~~7~~ tháng ~~6~~ năm ~~1963~~

Viên chức Hộ tịch.

Đại diện kiêm

TƯ-VẤN-DẪN

The undersigned Notary Public certifies that the above
and foregoing is a true and correct copy of the
original.

Notary Public at Salt Lake City
My commission expires: 8-1-1986



TÊN, họ đầy đủ		TRUNG - HƯƠNG - TRANG
PHỐI		NỮ
Sinh		ngày MỘT tháng MƯỜI ; ở thành phố
Quê, hương, xã		Hải Phòng
Tôi :		Bảo vệ MÌNH - DŨNG - PHẠM
Chợ		TRUNG - HƯƠNG
(Họ, tên)		
Tuổi :		Hai mươi tám tuổi
Nghề - nghiệp :		quân nhân
Cư - trú tại :		Bình-Trước (Biển-Hải)
Mẹ :		HUYỀN - THỊ - NAI
(Họ, tên)		
Tuổi :		Hai mươi bốn tuổi
Nghề - nghiệp :		Nội trợ
Cư - trú tại :		Bình-Trước (Biển-Hải)
Vợ :		Vợ chính
Người khai :		NAI - XÂN - NGUYỄN
(Họ, tên)		
Tuổi :		Ba mươi bốn tuổi
Nghề - nghiệp :		Mũ thợ dệt
Cư - trú tại :		Bình-Trước (Biển-Hải)
Ngày khai :		MÙNG HAI tháng MƯỜI năm 1963
Người chứng thứ nhất :		HUYỀN - THỊ - TỰ
(Họ, tên)		
Tuổi :		Ba mươi ba tuổi
Nghề - nghiệp :		quản lý
Cư - trú tại :		Bình-Trước (Biển-Hải)
Người chứng thứ hai :		TẶNG - THỊ - LỢ
(Họ, tên)		
Tuổi :		Sáu mươi hai tuổi
Nghề - nghiệp :		Đua bán
Cư - trú tại :		Bình-Trước (Biển-Hải)

TỈNH BIÊN-HOA
 Huyện ủy Xuân Hòa: 22/10/1968
 Ủy Ban Nhân Dân Xã Xuân Hòa
 xã Xuân Hòa
 Biên Hòa ngày 17 tháng 4 năm 1968

NGUYỄN-KIM-SÁNG

TÀI SẢN VÀ TỔNG SỐ *Mười* *10* *ngũ* Xã Bình-Trước, ngày 2 tháng MƯỜI HUYẾT SỔ 1968
 KÝ TÊN: *Nguyễn khai,* U.V. Hộ-Tịch: Hai người cùng.
 CHỦ TỊCH KIỂM TRA: *Ko Nam,* KÝ TÊN: Võ - Hải - Triều, HUỖNH-THỊ-TƯ

U.V. Hộ-Tịch Hoi người chúng,
Ký tên:
Võ - HẢI - TRẦN HUỖNH-THI-TƯ

The undersigned Notary Public certifies
 that the foregoing is a true and correct copy of the
 original

Notary Public Residing at Self Interest
My Commission Expires: 8-1-1988



Tên, họ ấu nhi:	Huỳnh - thị - Hai
Phái:	Féminin
Sinh:	Le 6 Septembre 1944
Chỗ, tháng, năm:	Maternité du char lieu
Tại:	
Cha:	Huỳnh - văn - Hai
Mẹ:	
Tuổi:	
Nghề:	
Cư trú tại:	Bầu-hòa
Mẹ:	Nguyễn - thị - Cúc
Tuổi:	
Nghề:	
Cư trú tại:	Bầu-hòa
Vợ:	
Nguồn khai:	Phan - thị - Kỳ
Tuổi:	39 ans
Nghề:	Sage femme
Cư trú tại:	Bình-trước
Nguồn khai:	
Tuổi:	34 ans
Nghề:	Sage femme
Cư trú tại:	Bình-trước
Nguồn chứng thứ nhì:	Đinh - thị - Thi
Tuổi:	36 ans
Nghề:	Sage femme
Cư trú tại:	Bình-trước

HA HAN KHAI SANH XA BINH-TRUOC
 7. THAT TU KI PHU... 0-TIEN NAY 1945
 24. 1945
 TONG THO KY
[Signature]

Lập tại xã Bình-trước, ngày 13 September 1944
 Người khai, Bình-hòa, Hộ-lại, Phan-thị-kỳ
 Phan-thị-kỳ, Huyện Văn Bền, Quận Bình-thị-thị
 địa: Bền, Quận Bình-thị-thị

PHAN THỊ KỲ
 29/5/1945
 VIÊN HQ-TỊCH
[Signature]

The undersigned Notary Public certifies that
 the above and foregoing is a true and
 correct copy of the original

[Signature]
 Notary Public residing at Salt Lake city
 My commission expires: 8-1-1956

Số hiệu: 504

KHAI SANH



Tên họ sau khi: Trương-diễn-phương
 Phái: Nữ
 Sinh ngày: Mùng hai tháng hai năm 1963
 Năm: năm một nghìn chín trăm sáu mươi ba
 Tại: Bao Sanh Xịn-Khuong Bienhoa
 Cha: Trương-Luân
 Tuổi: ba mươi ba tuổi
 Nghề-nghiep: Quản lý
 Cư-trú tại: Bienhoa
 Mẹ: Nguyễn-thị-Vai
 Tuổi: ba mươi một tuổi
 Nghề-nghiep: Mại trợ
 Cư-trú tại: Bienhoa
 Vợ: Vợ chưa
 Người khai: Ngô-thị-Duyệt
 Tuổi: ba mươi ba tuổi
 Nghề-nghiep: Nữ hộ sinh
 Cư-trú tại: Bình-Trước
 Ngày khai: Mùng ba tháng hai năm 1963
 Người chứng thứ nhất: Nguyễn-thị-Trang
 Tuổi: ba mươi sáu tuổi
 Nghề-nghiep: Nữ hộ sinh
 Cư-trú tại: Bình-Trước
 Người chứng thứ nhì: Trần-thị-Dan
 Tuổi: sáu mươi tuổi
 Nghề nghiệp: Làm công
 Cư-trú tại: Bình-Trước

KHAI THEO ĐÓ kinh 1963
 CHỮ-TÍCH KIỂM HỘ-TỊCH 2

[Signature]

NGUYỄN-VĂN-NAM
 LƯU VÊ

KIỂM-THI
 Bình-Trước, ngày 2 tháng 2 năm 1963
 Ủy-Ban Hành-Chánh
 PHẠM-VĂN-THANH

TỈNH DIÊN-HÒA

Nhận thực chữ ký của
 Ủy-Ban Hành-Chánh xã Bình-Trước
 ghi trên

10-2-1963
 Ủy-Ban Hành-Chánh
 NGUYỄN-VĂN-QUAN

Làm tại xã Bình-Trước, ngày 3 tháng hai năm 1963

Người khai,

Hộ-lại,

Nhân chứng,

Ngô-thị-Duyệt

Nguyễn-thị-Minh
 (vợ)

Nguyễn-thị-Trang

The undersigned Notary Public certifies that
 the above and foregoing is a true and
 correct copy of the original.

Notary Public Residing at Salt Lake City
 My Commission expires: 8-1-1986

SỐ QUÂN QUẢN QUẢN QUẢN

KHAI-SANH

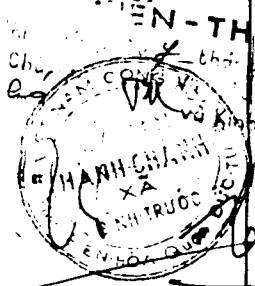
Số hiệu



CHỈ Y THEO BỐ

Trước ngày

CHỦ TỊCH HỘ TỊCH



HẠM-VĂN-THÀNH

TÊN HỌ ẤU-NHI		TRƯƠNG - THẠCH - TRÚC
Phái		NỮ
Sinh (Ngày, tháng, năm)	MAI MƯỜI Lăm tháng GIÊNG năm 1966	
Tại	Báo sanh MINH - ĐỨC BÌNH HÒA	
Cha (Tên, họ)	TRƯƠNG - KHÁNH	
Mẹ (Tên, họ)	MAI MƯỜI năm tuổi	
Nghề-nghiệp	Quản nhân	
Cư-trú tại	Bình trước BÌNH HÒA	
Mẹ (Tên, họ)	MÌNH - THỊ - MẠI	
Tuổi	Mai mười hai tuổi	
Nghề-nghiệp	Mại trợ	
Cư-trú tại	Bình trước BÌNH HÒA	
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh	
Người khai (Tên, họ)	MẠI - XUYN - NGUYỄN	
Tuổi	Ba mươi hai tuổi	
Nghề-nghiệp	Nữ hộ sinh	
Cư-trú tại	Bình trước	
Ngày khai	MAI MƯỜI năm tháng GIÊNG năm 1966	
Người chứng thứ nhất (Tên, họ)	MÌNH - THỊ - TƯ	
Tuổi	Bốn mươi một tuổi	
Nghề-nghiệp	Quản lý	
Cư-trú tại	Bình trước	
Người chứng thứ nhì (Tên, họ)	ĐOÀN - THỊ - NHƯNG	
Tuổi	Năm mươi hai tuổi	
Nghề-nghiệp	Đoàn bán	
Cư-trú tại	Bình trước	

Làm tại Xã BÌNH TRƯỚC

26 THÁNG GIÊNG

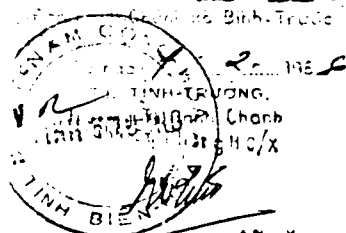
năm 1966

TỈNH BIÊN-HÒA

NGƯỜI KHAI: MẠI - XUYN - NGUYỄN

HỌ - LẠI, NGUYỄN - VĂN - NAM (tự VÊ)

NHÂN CHỨNG, MÌNH - THỊ - TƯ ĐOÀN - THỊ - NHƯNG



NGUYỄN VĂN QUAN

The undersigned Notary Public certifies that the above and foregoing is a true and correct copy of the original.

Notary Public Residing at Salt Lake City
My Commission Expires: 8-1-1986

Trần Đình Nga

SLC. Sept 05-85

Salt Lake City UTAH 84115

Klg bà Ninh Thị Thu
(Charmaine of Prisoner's Families)
Ông Trưởng Khánh cấp bậc Trung Tá
Biệt Động Quân là bạn tôi; đã ở
tù từ 1975 đến nay.

Vợ ông Trưởng Khánh như tôi
chuyển tập hồ sơ này đến bà để
(vì lý do nhân đạo) xin bà có thể
hỗ trợ giúp.

Kính cảm ơn Bà



Tran donk Nga

Salt lake city UTAH
84115



MRS NINH THI THO
CHAIRMAN OF THE PRISONER'S FAMILIES
P.O. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205